

TÒA ÁN NHÂN DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

HUYỆN Q

Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

THÀNH PHỐ H

Bản án số 47/2019/HSST

Ngày 28/8/2019

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Q, THÀNH PHỐ H

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Hữu T**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Nguyễn Văn V.**

2. Bà **Nguyễn Thị H.**

Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Minh S** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Q.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Q tham gia phiên tòa: Bà **Trần Thị T** – Kiểm sát viên.

Trong ngày 28/8/2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Q xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 56/2019/HSST ngày 06/8/2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 53/2019/HSST-QĐ ngày 15/8/2019 đối với bị cáo:

Nguyễn Tiến Q, sinh năm 1994;

Nơi ĐKNKTT và chỗ ở: Thôn P, xã T, huyện Q, thành phố H; Quốc tịch Việt Nam; Dân tộc Kinh; Tôn giáo không; Nghề nghiệp lao động tự do; Trình độ học vấn 12/12; Con ông: Nguyễn Tiến T; Con bà Đào Thị L; Vợ, con: Chưa; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo tại ngoại có mặt.

Người bị hại:

Ông **Nguyễn Tiến T**, sinh năm 1971, có mặt.

Trú tại: Thôn P, xã T, huyện Q, thành phố H.

Người có quyền và nghĩa vụ liên quan tới vụ án:

Ông **Nguyễn Văn Đ**, sinh năm 1970.

Trú tại : Thôn Đ, xã Đ, huyện Q, thành phố H, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 13 giờ ngày 18/3/2019, ông Nguyễn Tiến T đi xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, BKS: 20H1- 294.89 về nhà dựng xe ở cổng ngõ rồi đi vào trong nhà ngủ. Chìa khóa xe mô tô ông T để cùng chùm chìa khóa nhà treo ngoài cổng. Khoảng 13giờ 30 phút cùng ngày, Nguyễn Tiến Q về nhà thấy xe dựng ở cổng trong nhà chỉ có ông T đang ngủ đã nảy sinh ý định trộm xe của bố đem đi bán. Q tháo chìa khóa xe máy treo cùng chùm chìa khóa để tại cổng mở xe rồi điều khiển xe máy đi đến bãi trông giữ xe của khu chung cư đô thị CEO thuộc xã S, huyện Q gửi tại đó với mục đích tìm nơi tiêu thụ. Sáng ngày 19/3/2019 Q về nhà thì được bố thông báo bị trộm mất xe máy. Q bảo ông T đưa giấy đăng ký của chiếc xe bị mất để Q tìm lại xe. Nhưng thực chất Q nói với ông T như vậy để ông T đưa giấy đăng ký thì Q bán chiếc xe máy đó sẽ được giá cao hơn. Sau đó Q chở ông T đến Công an xã T để trình báo sự việc mất xe. Ông T đã giao cho Q đăng ký xe để Q đi tìm xe. Sau khi lấy được đăng ký xe Q đi lên khu đô thị CEO lấy xe máy rồi đi đến cửa hàng mua bán xe máy của ông Nguyễn Văn Đ bán xe cho ông Đ với giá 5.000.000 đồng. Số tiền này Q đã tiêu sài cá nhân hết. Đến ngày 22/03/2019, Q liên lạc cho gia đình báo đã bán chiếc xe trên cho ông Đ và ông T đã đến cửa hàng của ông Đ để chuộc lại với giá 5.500.000 đồng và giao nộp chiếc xe máy này cho Cơ quan điều tra. Sau đó Q đến Cơ quan CSĐT- Công an huyện Q đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

** Vật chứng thu giữ:* 01 chiếc xe mô tô Wave, BKS: 20H1 -29489 màu đỏ- đen-bạc ; 01 Đăng ký xe mô tô mang tên Lưu Văn Đ.

** Tại Bản định giá tài sản số 19/KL- HĐĐGTS ngày 26/4/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Q kết luận:* Giá trị một xe mô tô nhãn hiệu Honda wave màu đỏ-đen-bạc BKS: 20H1- 29489, số máy JC43E0837892; số khung: 4300AY034568 tại thời điểm ngày 18/3/2019 là: **6.500.000 đồng (BL 42)**

** Về dân sự của vụ án:* Quá trình điều tra xác định chiếc xe mô tô BKS: 20H1-294.89 là chủ sở hữu hợp pháp của ông Nguyễn Tiến T. Ngày 29/5/2019 Cơ quan điều tra đã trả lại cho ông T chiếc xe mô tô nêu trên và giấy đăng ký xe mang tên Lưu Văn Đ. Ông T đã nhận đầy đủ, không có yêu cầu đề nghị gì về dân sự.

Quá trình điều tra vụ án bị cáo Nguyễn Tiến Q đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bản thân, lời nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai

người bị hại, nhân chứng, người liên quan, vật chứng thu giữ và các tài liệu chứng cứ khác được thu thập trong quá trình điều tra vụ án.

Tại Bản cáo trạng số 55/CT - VKSQO ngày 5/8/2019 của VKSND huyện Q đã truy tố bị cáo Nguyễn Tiến Q về tội Trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình như bản cáo trạng đã nêu; Người bị hại đề nghị xem xét buộc bị cáo phải bồi thường cho bị hại 5.500.000 đồng và giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo do bị cáo là con của mình.

Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị HĐXX tuyên bố bị cáo Nguyễn Tiến Q phạm tội: “*Trộm cắp tài sản*”. Áp dụng khoản 1 điều 173; Điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo từ 9 đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách gấp đôi; Không phạt tiền bổ sung bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo phải bồi thường cho ông T số tiền chuộc xe 5.500.000 đồng

Về vật chứng: Cơ quan Điều tra đã thu hồi được trả lại cho bị hại và bị hại không có ý kiến gì nên nên không xét.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về tố tụng: Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên; Cơ quan Viện kiểm sát và Kiểm sát viên:

Trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về phần nội dung: Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để kết luận:

Khoảng 13 giờ 30 phút ngày 18 tháng 3 năm 2019, bị cáo Nguyễn T Quốc đã trộm cắp chiếc xe máy Honda Weva BKS 20H1-294.89 của bố là Nguyễn Tiến T trị giá 6.500.000 đồng (*sáu triệu năm trăm nghìn đồng*).

Cáo trạng Viện kiểm sát truy tố bị cáo Nguyễn Tiến Q về Trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Xét thấy hành vi phạm tội của bị cáo xâm phạm sở hữu tài sản hợp pháp của công dân gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự an ninh cần phải xử nghiêm để phục vụ công tác đấu tranh phòng chống tội phạm của địa phương.

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

Xét tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo có tình tiết giảm nhẹ là: Phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; Thành khẩn khai báo và ăn năn hối cải; Đầu thú; Người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo được quy định theo điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Xét hành vi phạm tội và nhân thân của bị cáo; Các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ của bị cáo thấy không cần phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội cho cải tạo tại địa phương cũng đủ để cải tạo, giáo dục bị cáo thành người lương thiện và phòng ngừa chung.

Về vật chứng:

01 (một) chiếc xe máy đã thu hồi được trả cho bị cáo nên Tòa không xét.

Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa ông T yêu cầu bị cáo phải bồi hoàn trả ông số tiền chuộc xe là 5.500.000 đồng là có căn cứ nên chấp nhận buộc bị cáo phải bồi thường.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố bị cáo **Nguyễn Tiến Q** phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”

2. Về hình phạt:

Áp dụng khoản 1 điều 173; Điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Tiến Q 6** (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo Q cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện Q, thành phố H quản lý, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự từ 2 lần trở lên thì Tòa án có thể ra Quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì tòa án buộc

bị cáo phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật này.

Không phạt tiền bổ sung bị cáo.

3. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 584; Điều 589 Bộ luật Dân sự:

Buộc bị cáo Nguyễn Tiến Q phải bồi thường cho ông Nguyễn Tiến T số tiền chuộc lại xe 5.500.000 đồng (năm triệu năm trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày ông T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu các bị cáo không chịu bồi thường số tiền nêu trên thì hàng tháng còn phải trả ông T số tiền lãi đối với số tiền chưa trả theo mức lãi suất theo qui định tại khoản 2 điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6,7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

4. Về án phí:

Áp dụng điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, điều 23 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí tòa án.

Buộc bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm; 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí Dân sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo:

Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án.

Nơi nhận:

- TAND thành phố H;
- VKSND huyện Q;
- Chi cục THADS huyện Q;
- Công an huyện Q;
- Bị cáo, người tham gia tố tụng khác;
- Lưu: Hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Hữu T